TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2025/HNGĐ-PT
Ngày 22 - 12 - 2025
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Bùi Anh Tuấn

Ông Đỗ Cao Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2025/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2025 về việc "Xin ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 89/2025/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cbị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 49/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Văn T, sinh năm 1974 (xin vắng mặt)

Căn cước công dân số: 096074010471, cấp ngày 10/05/2021.

Nơi cư trú: Ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là Khóm B, phường L, tỉnh Cà Mau).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T (tên gọi khác Nguyễn Bích T), sinh năm 1978. (có mặt)

Căn cước công dân số: 096178014296, cấp ngày 08/7/2021.

Nơi cư trú: Ấp Thạnh Điền, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (nay là Khóm Thạnh Điền, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về hôn nhân: Ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị T thống nhất trình bày: Ông T chung sống với bà Nguyễn Thị T (Nguyễn Bích Thủy) từ năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau (nay là xã Lương Thế Trân, tỉnh Cà Mau), theo giấy chứng nhận kết hôn số 14 năm 2000. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau vợ chồng không hòa thuận, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, sống không hạnh phúc, năm 2014 bà về nhà mẹ ruột ở, không còn chung sống với ông T nữa. Vì vậy, nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T. Còn bà T xác định trường hợp ông T đồng ý phân chia cho bà ½ phần đất diện tích 9.074,5m^2 thuộc thửa số 86, tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại ấp T, xã L, tỉnh Cà Mau, đất nuôi trồng thủy sản thì bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu ông T, trường hợp ông T không đồng ý phân chia thì bà không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Ông T và bà T thống nhất ông bà có 01 con chung tên Phan Minh Tiến, sinh năm 2001, hiện nay Phan Minh Tiến đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung:

+ Ông T xác định không có tài sản chung.

+ Bà T xác định sau khi kết hôn, năm 2004 bà và ông T được cha mẹ ông T tặng cho phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 9.074,5m^2 thuộc thửa số 86, tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại ấp T, xã L, tỉnh Cà Mau. Phần đất này Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DM 798550 ngày 29/12/2023 do ông Phan Văn T đứng tên, giá trị phần đất trên theo chứng thư thẩm định trị giá 834.854.000 đồng. Bà T yêu cầu ông T phân chia cho bà ½ phần đất diện tích 9.074,5m^2 thuộc thửa số 86, tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại ấp T, xã L, tỉnh Cà Mau, đất nuôi trồng thủy sản, bà giao toàn bộ diện tích đất cho ông T, buộc ông T hoàn lại ½ giá trị đất cho bà theo chứng thư thẩm định.

- Nợ chung: Ông T và bà T thống nhất không có nợ chung.

Từ nội dung trên, tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 89/2025/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cđã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của ông Phan Văn T về việc được ly hôn bà Nguyễn Thị T (Nguyễn Bích Thủy).

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T (Nguyễn Bích Thủy) về việc buộc ông Phan Văn T hoàn lại cho bà 417.427.000 đồng (tương đương 1/2 giá trị phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 9.074,5m^2 thuộc thửa số 86, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp T, xã L, tỉnh Cà Mau được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai

huyện Cái Nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/12/2023, số DM 798550 do ông Phan Văn T đứng tên).

Con chung tên Phan Minh Tiến, sinh năm 2001 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

- Ngày 29/9/2025 bị đơn bà Nguyễn Thị T kháng cáo: Yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị T; Sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình số 89/2025/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cvề án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn ông Phan Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn với Nguyễn Thị T, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ. Xét đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí nên Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] *Về nội dung:* Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 89/2025/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cđã tuyên về hôn nhân chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Phan Văn T, xử cho ông T được ly hôn bà Nguyễn Thị T (Nguyễn Bích Thủy); về con chung do con chung tên Phan Minh Tiến, sinh năm 2001 đã trưởng thành nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết. Xét thấy, ông T, bà T không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đối với những nội dung này nên những nội dung này của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật, cấp phúc thẩm không xem xét, giải quyết.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà T: Bà T và ông T đều thống nhất thừa nhận nguồn gốc phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 9.074,5m^2 thuộc thửa

số 86, tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại ấp T, xã L, tỉnh Cà Mau là của cha mẹ ông T. Phần đất này Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DM 798550 ngày 29/12/2023 do ông Phan Văn T đứng tên, giá trị phần đất trên theo chứng thư thẩm định trị giá 834.854.000 đồng. Do đó, đây là những tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét thấy, ông T khẳng định phần đất tranh chấp là tài sản riêng của ông T, ông và bà T đã sống ly thân thời gian tương đối dài thì ông T mới được hưởng thừa kế riêng của cha mẹ; còn bà T khẳng định năm 2004 cha mẹ ông T đã tặng cho vợ chồng bà phần đất tranh chấp, thời điểm này bà và ông T còn sống chung với nhau, do là cha mẹ cho con nên không làm giấy tờ gì. Để chứng minh tài sản tranh chấp là tài sản riêng của ông T, ông T đã cung cấp chứng cứ cho Tòa án là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hồ sơ cấp đất đối với thửa đất trên. Qua kiểm tra, xem xét, đối chiếu các chứng cứ với các quy định pháp luật, đủ căn cứ xác định phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 9.074,5m^2 thuộc thửa số 86, tờ bản đồ số 09 có nguồn gốc nhận thừa kế từ cha mẹ ông T vào năm 2023, thời điểm ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất này không có tổ chức hay cá nhân nào khiếu nại việc cấp giấy nên thủ tục cấp giấy chứng nhận cho ông T là hợp pháp.

[5] Xét chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà T là "Giấy xác nhận" của ông Phan Văn Phương và bà Phan Thị Xuyến đề ngày 14/4/2025, theo nội dung các giấy xác nhận trên thể hiện khi cha mẹ ông T còn sống có cho vợ chồng ông T và bà T 06 công đất tại ấp T, xã L, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Tòa án cấp sơ thẩm đã làm việc với ông Phương, bà Xuyến vào ngày 13/8/2025, ông Phương và bà Xuyến là anh chị ruột của ông T, thừa nhận nội dung theo giấy xác nhận đề ngày 14/4/2025 là đúng. Tuy nhiên, ngoài các lời trình bày nêu trên, bà T không cung cấp được bất cứ văn bản giấy tờ gì chứng minh sự việc tặng cho quyền sử dụng đất có xảy ra, trong khi pháp luật quy định trình tự thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất rất chặt chẽ. Chứng cứ ông T cung cấp thể hiện ông T chỉ được quyền sử dụng hợp pháp phần đất tranh chấp từ năm 2023, thời điểm đó ông T và bà T đã ly thân thời gian dài và toàn bộ thủ tục thừa kế quyền sử dụng đất thể hiện ông T được thừa kế riêng đối với phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 9.074,5m^2. Do đó cấp sơ thẩm kết luận phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 9.074,5m^2 thuộc thửa số 86, tờ bản đồ số 09, đất nuôi trồng thủy sản, tọa lạc tại ấp T, xã L, tỉnh Cà Mau là tài sản riêng của ông T là có căn cứ, đúng quy định, đã xem xét đánh giá chứng cứ khách quan, toàn diện, đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự.

[6] Tại cấp phúc thẩm, bà T không cung cấp thêm tình tiết mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà, do đó, không có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà T.

[7] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 89/2025/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1– Cà Mau về án phí là có căn cứ nên được chấp nhận.

[8] Về án phí:

[8.1] Án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình: Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình có quy định: *"Trường hợp trước khi mở phiên tòa, các bên đương sự tự nguyện ly hôn nhưng không thỏa thuận được về con chung và tài sản chung mà Tòa án xét xử và ra bản án sơ thẩm thì các bên đương sự phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn (mỗi bên chịu 25% mức án phí quy định); về quan hệ tài sản thì mức án phí mỗi bên phải chịu tương ứng với giá trị tài sản mà mỗi bên được chia theo quy định của pháp luật về án phí"*. Do đó, cấp sơ thẩm buộc ông T chịu 300.000 đồng án phí đối với yêu cầu xin ly hôn là chưa đúng, cần sửa 1 phần bản án sơ thẩm về án phí đối với yêu cầu ly hôn, buộc ông T và bà T mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí đối với yêu cầu xin ly hôn là phù hợp. Ông Phan Văn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn số tiền 75.000 đồng, ông T đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0010430 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Cà Mau) ngày 05/3/2025 được đối trừ, hoàn trả cho ông T 225.000 đồng.

Án phí chia tài sản: Cấp sơ thẩm cho rằng yêu cầu của bà T là buộc thực hiện nghĩa vụ là chưa chính xác, thực chất bà T cho rằng phần đất tranh chấp là tài sản chung vợ chồng nên yêu cầu phân chia, do đó, cần xác định đây là yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn nên cấp sơ thẩm buộc bà T chịu án phí khi yêu cầu chia tài sản của bà T không được chấp nhận là trái với quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, bà T không phải chịu án phí chia tài sản, bà Nguyễn Thị T (Nguyễn Bích Thủy) đã nộp tạm ứng án phí số tiền 7.500.000 đồng theo biên lai số 0010664 ngày 14/4/2025 được hoàn lại toàn bộ.

[8.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà T kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[9] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T (tên gọi khác Nguyễn Bích T); Sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 89/2025/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1– C về án phí.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 104, Điều 147, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, khoản 2 Điều 244, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự,

Căn cứ khoản 2 Điều 59, Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm Điều 26, Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Phan Văn T về việc xin ly hôn với bà Nguyễn Thị T (Nguyễn Bích Thủy). Xử cho ông Phan Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị T (Nguyễn Bích Thủy).

2. Về con chung: Con chung tên Phan Minh Tiến, sinh năm 2001 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản: Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T (Nguyễn Bích Thủy) về việc buộc ông Phan Văn T hoàn lại cho bà 417.427.000 đồng (tương đương 1/2 giá trị phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 9.074,5m^2 thuộc thửa số 86, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp T, xã L, tỉnh Cà Mau được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Cái Nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/12/2023, số DM 798550 do ông Phan Văn T đứng tên).

Nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị T (Nguyễn Bích Thủy) tự chịu chi phí tố tụng tổng số tiền 14.772.000 đồng, đã nộp xong.

5. Về án phí:

5.1. Án phí sơ thẩm: Án phí hôn nhân gia đình: Buộc ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị T mỗi người phải nộp số tiền 75.000 đồng. Ngày 05/3/2025 ông T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0010430 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1 – C) chuyển thu án phí 75.000 đồng, hoàn trả cho ông T số tiền 225.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị T (Nguyễn Bích T) không phải nộp án phí có giá ngạch, bà T đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 7.500.000 đồng theo biên lai số 0010664 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – C) vào ngày 14/4/2025 được hoàn lại toàn bộ.

5.2. Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T (Nguyễn Bích T) phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm 300.000 đồng, bà T đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0000657 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau vào ngày 01/10/2025 được chuyển thu án phí toàn bộ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Cà Mau (01 bản);
- TAND Khu vực 1 - C (01 bản);
- Phòng THADS Khu vực 1 - C (01 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP (02 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Minh Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Anh Tuấn **Đỗ Cao Khánh** **Châu Minh Nguyệt**